

Số: 121/2019/QĐST-DS

*Thành phố Tây Ninh, ngày 18 tháng 11 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 376/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật; không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*1. Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn H, sinh năm: 1959. Địa chỉ: ấp H, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kiều D, sinh năm: 1981. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

*2. Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm: 1956. Địa chỉ: khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Bà Trần Thị L có trách nhiệm di dời tài sản trả lại cho ông Đỗ Văn H phần đất diện tích 1.204,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 126, tờ bản đồ số 24, tại khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy CNQSDĐ số CR 209068 ngày 10-5-2019 cho ông Đỗ Văn H đứng tên chủ sử dụng.

Ông Đỗ Văn H có trách nhiệm hỗ trợ và bồi thường cho bà Trần Thị L số tiền tổng cộng là 65.000.000 đồng, bao gồm chi phí hỗ trợ di dời: nhà tạm, mái tole, khung gỗ tạp, nền gạch tàu, vách tôn, gỗ tạp; nhà vệ sinh cấp 4, mái tole, tường gạch, cột gạch,

nền gạch men và tiền bồi thường toàn bộ tài sản, cây trái trên đất (không di dời được); bà Trần Thị L được lưu cư trên đất tính từ ngày 08-11-2019 đến ngày 08-3-2020 bà L có trách nhiệm trả lại quyền sử dụng đất nói trên cho ông H;

Thời gian ông H giao tiền cho bà L: Vào ngày 08-02-2020;

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H chưa thi hành số tiền nêu trên theo thỏa thuận thì hàng tháng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

### **Về án phí sơ thẩm dân sự:**

Bà Trần Thị L là người cao tuổi theo quy định tại Điều đ, Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên bà không phải chịu tiền án phí;

Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001766 ngày 17-9-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

**Về chi phí xem xét, thẩm định giá:** Số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng), ông H tự nguyện chịu. Ghi nhận đã nộp xong.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố TN;
- Chi cục THA TP.TN;
- Tòa án ND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu HS, tập án (V).

**THẨM PHÁN**

*Đã ký*

**Nguyễn Văn Lắm**